

CHẾ ĐỊNH HỦY BỎ HỢP ĐỒNG THEO QUY ĐỊNH TẠI BLDS 2015 VÀ LUẬT THƯƠNG MẠI 2005 – MỘT VÀI BÌNH LUẬN VÀ PHÂN TÍCH (KỶ 1)

Nguyễn Quốc Bảo* và Sỹ Ngọc Thùy Trang

Hủy bỏ hợp đồng là chế tài cũng như cơ sở để phòng ngừa, hạn chế vi phạm hợp đồng hoặc tôn trọng sự thỏa thuận của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Quy định về hủy bỏ hợp đồng từ lâu đã thường xuyên được xem xét và áp dụng trong nhiều trường hợp cụ thể được quy định tại Điều 423, 424, 425, 426 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 312.4 Luật Thương mại 2005. Tuy nhiên, việc áp dụng chế định hủy bỏ hợp đồng, cụ thể hơn là hiểu rõ từng trường hợp hủy bỏ hợp đồng để áp dụng cho phù hợp còn gặp nhiều khó khăn và vướng mắc. Để làm rõ vấn đề này, nhóm tác giả phân chia bài viết thành 03 kỳ như sau:

Kỳ 1 – Điều kiện hủy bỏ hợp đồng trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng / vi phạm cơ bản;

Kỳ 2 – So sánh điều kiện hủy bỏ của các trường hợp hủy bỏ khác trong BLDS (ngoài vi phạm nghiêm trọng / cơ bản) đã được đề cập tại Kỳ 1;

Kỳ 3 – Hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng.

Kỳ 1 – Hủy bỏ hợp đồng xuất phát từ vi phạm cơ bản / vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng

Có thể nói trong tất cả các trường hợp mà một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng theo quy định của pháp luật, việc hủy bỏ hợp đồng trên cơ sở bên còn lại vi phạm cơ bản / vi phạm nghiêm trọng hợp đồng có thể được cho là phổ biến nhất. Do đó, trong Kỳ đầu tiên của loạt bài viết này, nhóm tác giả sẽ phân tích về các điều kiện để một hợp đồng có thể được hủy bỏ xuất phát từ một hành vi vi phạm cơ bản / nghiêm trọng của một bên.

So sánh quy định của Bộ luật Dân sự 2015 (“**BLDS 2015**”) và Luật Thương mại 2005 (“**LTM 2005**”) như sau:

BLDS 2015	LTM 2005
Điều 423 quy định: “1. Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp sau đây: ... b) Bên kia <u>vi phạm nghiêm trọng</u> nghĩa vụ hợp đồng; ...”	Điều 312 quy định: “4. Trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này, chế tài hủy bỏ hợp đồng được áp dụng trong các trường hợp sau đây: ... b) Một bên <u>vi phạm cơ bản</u> nghĩa vụ hợp đồng.” Ngoài ra, Điều 3 quy định:

2. Vi phạm nghiêm trọng là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.”

“13. Vi phạm cơ bản là sự vi phạm hợp đồng của một bên gây thiệt hại cho bên kia đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.”

Nhìn vào quy định trên, có thể dễ dàng nhận thấy dù là “cơ bản” hay “nghiêm trọng”, BLDS 2015 và LTM 2005 đều dựa trên các tiêu chí chính sau đây để xác định:

1. Xuất phát từ hành vi vi phạm của một bên

Điều 423 của BLDS 2015 hay Điều 312.4 của LTM 2005 đều chỉ có thể được xem xét áp dụng bởi một bên nếu bên còn lại có hành vi vi phạm hợp đồng.

“Hành vi vi phạm” được xác định tại Điều 423 BLDS 2015 là *hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ*. Cụ thể hơn, dù BLDS 2015 không quy định rõ thế nào là *không thực hiện đúng nghĩa vụ*, nhóm tác giả cho rằng có thể vận dụng định nghĩa về *vi phạm nghĩa vụ* tại Điều 351 BLDS 2015 để diễn giải cho khái niệm này. Theo đó, “*vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ*”.

So sánh với BLDS 2015, có thể thấy việc xác định hành vi vi phạm của LTM 2005 về cơ bản mang tính phổ quát hơn về mặt câu từ. Theo đó, “hành vi vi phạm” được xác định theo Điều 312 LTM 2005 là hành vi *vi phạm hợp đồng*. Cụ thể hơn, Điều 3.12 LTM 2005 định nghĩa “*vi phạm hợp đồng là việc một bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định của Luật này*”.

Như vậy, dù tiếp cận theo hướng “không thực hiện đúng nghĩa vụ” hay “vi phạm hợp đồng” như phân tích nêu trên, nội hàm của việc xác định khi nào có hành vi vi phạm của một bên theo Điều 423 BLDS 2015 hay Điều 312.4 của LTM 2005 là tương đồng với nhau. Ngoài ra, nhóm tác giả cho rằng cần hiểu “hành vi vi phạm” ở đây bao gồm cả hành vi hành động và hành vi không hành động.

2. Hành vi vi phạm của một bên phải là vi phạm nghiêm trọng / vi phạm cơ bản đến mức mục đích giao kết hợp đồng không thể đạt được.

Việc xác định tính “nghiêm trọng” hoặc “cơ bản” của hành vi vi phạm là vấn đề cốt lõi trong việc kích hoạt quyền hủy bỏ hợp đồng của một bên theo Điều 423 BLDS 2015 và Điều 312.4 LTM 2005. Ở khía cạnh này, cả BLDS 2015 và LTM 2005 đều căn cứ trên cơ sở nếu mục đích giao kết của hợp đồng không đạt được thì hành vi vi phạm đó được xem là “nghiêm trọng” hoặc “cơ bản”.

Để làm rõ yếu tố cấu thành một vi phạm nghiêm trọng / cơ bản, cần phân tích và làm rõ các vấn đề sau:

2.1. Hiểu thế nào là mục đích giao kết của hợp đồng?

Dù không trực tiếp định nghĩa thế nào là mục đích giao kết hợp đồng, BLDS 2015 có đề cập đến mục đích của giao dịch dân sự. Theo đó, mục đích của giao dịch dân sự (và theo nhóm tác giả, cũng là mục đích giao kết hợp đồng) là lợi ích mà chủ thể mong muốn đạt được khi xác lập giao dịch đó¹. Tham khảo thêm Điều 25 Công ước của Liên hợp quốc về mua bán hàng hóa quốc tế năm 1980 (CISG), mục đích giao kết của hợp đồng được xác định là cái mà họ có quyền chờ đợi trên cơ sở hợp đồng².

Từ các quy định trên có thể thấy, mục đích giao kết hợp đồng là lợi ích hợp pháp mà các bên muốn đạt được khi xác lập giao dịch, mà nếu không vì mục đích này thì không có việc giao kết hợp đồng xảy ra. Mục đích giao kết hợp đồng là cái mà các bên có quyền chờ đợi khi thực hiện hợp đồng. Ví dụ: Giao kết hợp đồng vay thì mục đích của bên vay là chờ đợi được nhận một khoản tiền vay và mục đích của bên cho vay là muốn được trả lại tiền vay và nhận được tiền lãi. Khi bên vay không nhận được tiền vay hoặc bên cho vay không được trả tiền thì xem như mục đích của hợp đồng không đạt được.

Mục đích giao kết hợp đồng thường được thể hiện trong các điều khoản đầu tiên hoặc phần cơ sở xác lập (thường là phần “Xét rằng”) của hợp đồng. Tuy nhiên thực tế, các hợp đồng tại Việt Nam thường thể hiện phần mục đích của hợp đồng hoặc phần “xét rằng” này khá sơ sài hoặc thậm chí là không quy định. Lúc này, mục đích của hợp đồng không được thể hiện một cách minh thị nên việc xác định chính xác cái mà các bên chờ đợi (muốn đạt được) trong nhiều trường hợp là không đơn giản. Khi đó, mục đích giao kết hợp đồng sẽ do cơ quan tài phán xác định sau khi xem xét tổng quan các điều khoản của hợp đồng, hoàn cảnh xung quanh, ý chí của các bên trong quá trình soạn thảo hợp đồng, giá trị kinh tế của hợp đồng trong từng trường hợp cụ thể.

Tham khảo thêm phân tích về việc xác định mục đích giao kết hợp đồng tại bài viết: [ĐIỀU KHOẢN “HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN”: ĐÃ ĐẾN LÚC CẦN PHẢI ĐƯA VÀO LÀ MỘT ĐIỀU KHOẢN MẮC ĐỊNH TRONG HỢP ĐỒNG \(PHẦN 1\) - Kiến Thức Pháp Lý \(kienthucphaply.com\)](#)

2.2. Xác định mục đích giao kết hợp đồng có đạt được hay không đối với vi phạm nghiêm trọng theo BLDS 2015 và vi phạm cơ bản theo LTM 2005 như thế nào?

Pháp luật Việt Nam không đưa ra thêm bất kỳ tiêu chí nào để xác định khi nào thì mục đích giao kết của hợp đồng không thể đạt được. Tham khảo pháp luật Hoa Kỳ, “vi phạm nghiêm trọng” được định nghĩa là *một vi phạm khiến cho mục đích của hợp đồng không thể đạt được, hoặc liên quan đến một thành tố cơ bản của hợp đồng, và khiến cho bên bị vi phạm không có được lợi ích*

* Xem thêm thông tin cá nhân **Nguyễn Quốc Bảo** tại [ĐÂY](#).

¹ BLDS 2015, Điều 118.

² Điều 25 Công ước của Liên hợp quốc về mua bán hàng hóa quốc tế năm 1980 (CISG) quy định: “*Một sự vi phạm hợp đồng do một bên gây ra là vi phạm cơ bản nếu sự vi phạm đó làm cho bên kia bị thiệt hại mà người bị thiệt hại, trong một chừng mực đáng kể bị mất cái mà họ có quyền chờ đợi trên cơ sở hợp đồng, trừ phi bên vi phạm không tiên liệu được hậu quả đó và một người có lý trí minh mẫn cũng sẽ không tiên liệu được nếu họ cũng ở vào hoàn cảnh tương tự*”.

mà bên đó mong đợi một cách hợp lý³. Khi xem xét một vi phạm có bị xem là nghiêm trọng hay không, Luật hợp đồng của Hoa Kỳ đưa ra các tiêu chí sau để đánh giá⁴ (i) mức độ mà bên bị vi phạm không thể đạt được lợi ích mà bên bị vi phạm mong muốn hợp lý; (ii) phần lợi ích mà bên bị vi phạm không đạt được có thể được bồi thường đầy đủ; (iii) phần nghĩa vụ mà bên vi phạm đã thực hiện; (iv) khả năng thực tế mà bên vi phạm có thể khắc phục vi phạm, có xem xét đến tất cả các yếu tố bao gồm cả các cam kết hợp lý; (v) mức độ thiện chí (*good faith*) và xử sự thẳng thắn (*fair dealings*) của bên vi phạm.

Tiêu chí (i) là tiêu chí đầu tiên và có lẽ cũng là tiêu chí quan trọng nhất, chỉ khi nào có lợi ích hợp lý từ hợp đồng mà một bên không thể đạt được do hành vi vi phạm của bên kia, quyền hủy bỏ hợp đồng của bên đó mới bắt đầu được xem xét. Thông thường, trong trường hợp có thể định lượng được và phụ thuộc thêm vào mức độ của các tiêu chí (ii), (iii) và (iv), tiêu chí này có thể được cho là thỏa mãn nếu một hành vi vi phạm khiến cho bên bị vi phạm không thể đạt được ít nhất ½ lợi ích hợp lý mà bên đó mong đợi⁵. Tiêu chí (ii), (iii), (iv) và (v) dù được thể hiện dưới dạng các tiêu chí độc lập nhưng theo quan điểm của nhóm tác giả, các tiêu chí này mang ý nghĩa hỗ trợ cho việc xác định tiêu chí (i) nhiều hơn. Nói cách khác, việc bên bị vi phạm không đạt được lợi ích của mình chỉ là điều kiện cần chứ chưa đủ để cho rằng mục đích của hợp đồng không đạt được. Các yếu tố (ii), (iii) và (iv) sẽ cần được phân tích để có một đánh giá khách quan nhất có thể.

Tiêu chí (ii) và (iv) – khả năng khắc phục (*remedy*) và bồi thường (*compensation*) của bên vi phạm đối với hành vi vi phạm của mình. Pháp luật ở nhiều quốc gia Thông Luật (Common Law) hay Dân Luật (Civil Law) hoặc chí ít là tại các án lệ có liên quan đa phần đều có chung quan điểm rằng nếu một hành vi vi phạm có thể được khắc phục và bồi thường đủ để khiến hành vi đó mất đi tính nghiêm trọng thì Tòa án thường sẽ buộc khắc phục / bồi thường thiệt hại hơn là tuyên hủy bỏ hợp đồng hoặc chấp nhận việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng của một bên⁶.

Tiêu chí (iii) – phần nghĩa vụ tại hợp đồng mà bên vi phạm đã thực hiện. Tiêu chí này thường hướng đến thời điểm hành vi vi phạm của bên vi phạm xảy ra và khối lượng nghĩa vụ theo hợp đồng mà bên vi phạm đã hoàn thành⁷. Nói một cách đơn giản hơn, nếu bên vi phạm là một nhà thầu xây dựng công trình đã hoàn tất phần lớn các nghĩa vụ của mình và chuẩn bị bàn giao công trình, Tòa án sẽ cân trọng hơn rất nhiều trong việc xác định liệu một hành vi vi phạm của nhà thầu có thể khiến việc giao kết hợp đồng không đạt được mục đích không. Nếu vi phạm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng và khả năng sử dụng công trình khiến cho bên giao thầu hoàn toàn không thể đạt được mục đích sử dụng như thỏa thuận ban đầu, bên giao thầu mới có quyền hủy bỏ hợp đồng. Ngược lại, nếu bên vi phạm chưa hoàn tất phần lớn nghĩa vụ của mình, khả năng Tòa án chấp thuận việc hủy bỏ hợp đồng sẽ cao hơn, phụ thuộc vào sự đánh giá đối với các tiêu chí khác.

³ Xem Park Avenue Condominium Owners Association v. Buchan Developments, L.L.C., 117 Wn.App. 369, 71 P.3d 692 (2003) <[View Document - Washington Criminal Jury Instructions \(westlaw.com\)](#)>

⁴ Xem Restatement Second of Contracts, Section 241 <[Restatement Second of Contracts § 241 – Contracts II Outline \(matthewminer.name\)](#)>

⁵ Xem thêm tại bài viết [ĐIỀU KHOẢN “HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN”: ĐÃ ĐẾN LÚC CẦN PHẢI ĐƯA VÀO LÀ MỘT ĐIỀU KHOẢN MẶC ĐỊNH TRONG HỢP ĐỒNG \(PHẦN 1\) - Kiến Thức Pháp Lý \(kienthucphaply.com\)](#)

⁶ Xem thêm: Charles Szladits, “Discharge of contract by breach in Civil Law” 1953 American Journal of Comparative Law 3 334, 338&343&344.

⁷ Xem thêm: <[Breach of Contract: Material Breach | Nolo](#)> (Mục “What will the breaching party lose (forfeit)?”)

Tiêu chí (v) – tính thiện chí và xử sự thẳng thắn. Tham khảo thêm các án lệ tại Pháp, có thể thấy nếu bên vi phạm cố ý để xảy ra hành vi vi phạm thì dù sự vi phạm là không nghiêm trọng hoặc không đáng kể, Tòa án cũng có thể quyết định chấp thuận yêu cầu hủy bỏ hợp đồng của bên bị vi phạm bởi vì sự thiếu thiện chí của họ⁸. Điều này có thể lý giải như sau: dù hệ quả của việc vi phạm nguyên tắc thiện chí không trực tiếp dẫn đến mục đích của hợp đồng không đạt được nhưng bản chất của một sự vi phạm về thiện chí đã đi sai mục đích giao kết ban đầu của hợp đồng. Do vậy, khi xem xét đến tính thiện chí thì Tòa án thường xem xét về bản chất chứ không lượng hóa tính nghiêm trọng của hệ quả.

Pháp luật Việt Nam, ở cả BLDS 2015 lẫn LTM 2005, đều không đưa ra bất kỳ tiêu chí nào cụ thể như trên. Điều này dẫn đến sự tùy nghi của từng hội đồng xét xử trong việc đánh giá liệu hành vi vi phạm của một bên có dẫn đến việc bên còn lại không đạt được mục đích giao kết của hợp đồng hay không. Nhóm tác giả cho rằng các tiêu chí được phân tích ở trên nên được sử dụng làm cơ sở lý luận để tạo thành “xương sống” cho việc xác định có hay không có hành vi vi phạm nghiêm trọng / vi phạm cơ bản, dù là theo BLDS 2015 hay LTM 2005.

Khác biệt cơ bản giữa BLDS 2015 và LTM 2005

Điểm khác biệt được xem là lớn nhất giữa BLDS 2015 và LTM 2005 liên quan đến vấn đề này đó là thiệt hại phát sinh không phải là điều kiện tiên quyết để xác định tính nghiêm trọng của hành vi vi phạm ở BLDS 2015, nhưng lại là điều kiện tại LTM 2005. Nói cách khác, LTM 2005 dường như theo hướng lượng hóa thiệt hại mà một bên phải gánh chịu để xác định liệu thiệt hại đó có dẫn đến mục đích giao kết của hợp đồng không đạt được hay không. Theo Điều 302.1 và Điều 303 LTM 2005, thiệt hại được xác định là những tổn thất thực tế mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra. Như vậy, cách tiếp cận của LTM 2005 nhìn chung là hẹp hơn so với cách tiếp cận của BLDS 2015. Theo đó, trường hợp một vi phạm về tính thiện chí (tiêu chí (v) nêu trên) chưa gây ra thiệt hại cho một bên (hoặc bên bị vi phạm không thể chứng minh được thiệt hại) hoặc có thiệt nhưng không đáng kể thì khó có thể được xem là một vi phạm cơ bản theo LTM 2005 nhưng vẫn có thể được xem là một vi phạm nghiêm trọng theo BLDS 2015.

Trên đây là các điều kiện hủy bỏ hợp đồng trong trường hợp vi phạm cơ bản / vi phạm nghiêm trọng. Các trường hợp hủy bỏ hợp đồng khác sẽ được phân tích tại kỳ sau.

⁸ Barral v. Benoit-Barral, Court of Cassation, May 24, 1927 [1927] Gaz. Pal. II. 386. Xem thêm: Szladits (n 6) 339.